

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **166/2019/HS-ST**

Ngày: 16/4/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa.

Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm 1997. Tại Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: 703/80, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn S, sinh năm 1959 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1961. Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 06. Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1999 và có 01 con tên Phạm Trần Thiên L, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/01/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 30 ngày 10/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh Thái Hữu Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 28/140B, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 05/12/2018, anh Thái Hữu Đ, sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú: 28/140B, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ là tài xế taxi hãng xe Mai Linh (chạy xe ô tô biển số 60A-518.24) đón Trần Thanh T cùng 03 nam thanh niên (chưa rõ lai lịch) là người quen biết của T, từ nhà nghỉ Lê Văn địa chỉ khu phố 6, phường T, thành phố B. Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, trên xe còn 02 người là T và một đối tượng khác tên N. Khi đi đến đoạn đường trước nhà số 531/49/20/3, khu phố 2, phường T, thành phố B đối tượng N bỏ đi đâu không rõ, khi đó chỉ còn T và anh Đ. Lúc này, Tân nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh Đ nên T giả vờ hỏi mượn điện thoại của anh Đ để nhờ gọi điện thoại cho bạn. T lợi dụng lúc anh Đ cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J610PDS của anh Đ trên tay đang bấm số điện thoại do T đọc và không quan sát, T liền dùng tay giật chiếc điện thoại của anh Đ rồi bỏ chạy thoát. Bị T chiếm đoạt điện thoại nên anh Đ đã trình báo sự việc đến Công an phường T, thành phố B.

Ngày 03/01/2019, Công an phường T phát hiện Tân nên mời về làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Sau khi chiếm đoạt điện thoại của anh Đ, T đem bán tại tiệm cầm đồ Nghĩa Nam Phát tại địa chỉ 189, khu phố 5, phường L, thành phố B được 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) lấy tiền tiêu xài hết.

* Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, model J610PDS màu đen T đem bán nên không thu hồi được.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/TCKH-HĐĐG ngày 09/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: “01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, model J610PDS có giá trị là 4.041.000 (bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Về dân sự: Gia đình bị cáo T đã bồi thường cho anh Thái Hữu Đ 4.000.000đ (bốn triệu đồng) nên anh Đ không yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số: 150/CT/VKS-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Trần Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong phần bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh T đã khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại khu phố 2, phường T, thành phố B, Trần Thanh T đã có hành vi cướp giật tài sản là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, model J610PDS màu đen, trị giá 4.041.000đ (bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng) của anh Thái Hữu Đ thì bị phát hiện điều tra xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo là thanh niên đã trưởng thành nên nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người xem thường pháp luật. Do đó, cần cho bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về bồi thường dân sự: Người bị hại anh Thái Hữu Đ đã nhận số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2019.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Bình